

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch tại phường An Bình, tỉnh Gia Lai của
Công ty TNHH Long Hoàng Kỳ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 3156/SNNMT-CCBVMT ngày 30/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch tại phường An Bình, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Long Hoàng Kỳ;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM Dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch tại phường An Bình, tỉnh Gia Lai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 25/CV-LHK ngày 12/12/2025 của Công ty TNHH Long Hoàng Kỳ;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 743/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch (sau đây gọi là Dự án) của Công ty

TNHH Long Hoàng Kỳ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường An Bình, tỉnh Gia Lai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND xã An Bình;
- CVP, PCVP NN;
- Lưu: VT, N1.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐẤT SÉT LÀM GẠCH PHƯỜNG AN BÌNH, TỈNH GIA LAI CỦA CÔNG TY TNHH LONG HOÀNG KỲ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Gia Lai).

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ đất sét làm gạch phường An Bình, tỉnh Gia Lai.
- Địa điểm thực hiện: tại phường An Bình, tỉnh Gia Lai.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Long Hoàng Kỳ.
- Địa chỉ liên hệ: 46 Trần Phú, phường An Khê, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: 0989179368.

- Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 531/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 30/06/2025 và công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đất sét làm gạch tại mỏ đất sét phường An Bình, tỉnh Gia Lai.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 3,56ha.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh Gia Lai là 136.633 m³ đất sét địa chất; trong đó, trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là 136.633 m³ đất sét địa chất. Thời hạn khai thác 14 năm với công suất khai thác hàng năm cụ thể như sau:

- + Năm thứ 1: 6.633 m³ đất sét địa chất/năm.
- + Năm thứ 2 đến năm thứ 14: 10.000 m³ đất sét địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Khu vực phê duyệt trữ lượng có diện tích 3,56 ha, được chia làm 14 khoảnh khai thác, cụ thể: khoảnh 1 có diện tích 1.745m², khoảnh 2 có diện tích 1.685m², khoảnh 3 có diện tích 2.300m², khoảnh 4 có diện tích 2.225m², khoảnh 5 có diện tích 2.760m², khoảnh 6 có diện tích 2.860m², khoảnh 7 có diện tích 2.550m², khoảnh 8 có diện tích 2.470m², khoảnh 9 có diện tích 2.655m², khoảnh 10 có diện tích 2.670m², khoảnh 11 có diện tích 2.940m², khoảnh 12 có diện tích 2.975m², khoảnh 13 có diện tích 2.850m² và khoảnh 14

có diện tích 2.915m^2 . Thực hiện khai thác, san gạt theo kiểu cuốn chiếu và cải tạo đất phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác từng giai đoạn.

- Phương pháp khai thác: Vị trí mở vĩa đầu tiên tại phần diện tích có cao độ $+411\text{m}$ phía Bắc mỏ (điểm góc số 2), thực hiện khai thác theo hướng từ trên xuống dưới, kết thúc khai thác, địa hình mỏ có cao độ $+405,9\text{m}$ (mức sâu nhất theo bình đồ phân khối trữ lượng ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh). Sử dụng máy đào có dung tích gầu $1,25\text{m}^3$ để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất sét đến công trình.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường:

+ Hồ lắng phía Đông Bắc và phía Tây Nam (cao độ hồ lắng sẽ thay đổi phù hợp với địa hình khai thác từng thời điểm, đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án).

+ Hệ thống mương thu gom nước mưa: xung quanh mỏ có tổng chiều dài 865m ; hệ thống mương dọc tuyến đường nội bộ mỏ có tổng chiều dài 587m ; rãnh thu gom nước mưa trong từng khoảnh có tổng chiều dài 580m (được bố trí để thu gom nước mưa cho khu vực đang khai thác); hệ thống mương thoát nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận có tổng chiều dài 220m .

- Tuyến đường giao thông trong mỏ: Tuyến đường tạm trong mỏ có chiều dài khoảng $293,5\text{m}$.

- Mương rửa kết hợp vòi xịt rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài $4,0\text{m}$ x rộng $3,0\text{m}$ x sâu $0,5\text{m}$.

- Khu vực phụ trợ phía Tây Nam (nằm trong ranh giới mỏ), diện tích khoảng $22,18\text{m}^2$: bố trí nhà điều hành, kho chất thải nguy hại.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất sét: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất sét làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 0,6 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 3.838 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn là 6,06ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất sét đến các Nhà máy sản xuất gạch.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,0 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Đất sét rơi vãi phát sinh khoảng 0,1 tấn/ngày.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 2 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất sét đến các Nhà máy sản xuất gạch.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất sét gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh tại khu vực nhà điều hành. Lắp đặt bồn tự hoại (bằng nhựa), giếng thấm để xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thấm thấu vào đất.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 865m (kích thước: Rộng 1,0m x Sâu 1,0m); hệ thống mương dọc tuyến đường nội bộ mỏ có tổng chiều dài 587m (kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m); rãnh thu gom nước mưa từng khoảnh có tổng chiều dài 580m (kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m); hệ thống mương thoát nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận có tổng chiều dài 220m (kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ lắng phía Đông Bắc, tọa độ: $X = 1.542.583$; $Y = 514.480$, thể tích khoảng $630m^3$ (diện tích $210m^2$, sâu 3m) và hồ lắng phía Tây Nam, tọa độ: $X = 1.542.325$; $Y = 514.356$, thể tích khoảng $300m^3$ (diện tích $100m^2$, sâu 3m). Kết cấu các hồ lắng là hồ đào được chia làm 02 ngăn, bờ bao được gia cố bằng đất đầm chặt kết hợp với đá dăm, đảm bảo không sạt lở.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn trong từng khoảnh khai thác → Rãnh thu gom → Hồ lắng phía Đông Bắc → Mương thoát nước → Khe cạn hiện trạng phía Đông Bắc.

+ Nước mưa chảy tràn tại khu vực phía Bắc dự án và 02 bên tuyến đường giao thông → Mương thu gom xung quanh mỏ và dọc tuyến đường nội bộ → Rãnh thu gom → Hồ lắng phía Đông Bắc → Mương thoát nước → Khe cạn hiện trạng phía Đông Bắc.

+ Nước mưa chảy tràn tại khu vực phía Nam dự án và 02 bên tuyến đường giao thông → Mương thu gom xung quanh mỏ và dọc tuyến đường nội bộ → Hồ lắng phía Tây Nam → Mương thoát nước → Hồ nước hiện trạng phía Tây Nam.

Nước mưa chảy tràn sau khi qua các hồ lắng đạt cột B, QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 03 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Địa chất và Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau: Thực hiện khai thác, san gạt theo kiểu cuốn chiếu và cải tạo đất phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác từng giai đoạn, cụ thể: Giai đoạn 1 (kết thúc khai thác năm 10) cải tạo đất với diện tích 2,392 ha và giai đoạn 2 (kết thúc khai thác toàn mỏ năm 14) cải tạo đất với diện tích còn lại 1,168 ha.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác				
1.	Lắp đặt biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	04	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt lại khu vực khai thác tránh tạo hầm hố sâu	m ³	33.670	Tạo bề mặt bằng phẳng thuận lợi cho quá trình thoát nước và cải tạo đất.	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu tiến hành san gạt đến đó. Hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác từng giai đoạn
3.	Cải tạo đất khu vực khai thác	ha	3,56	Tạo thuận lợi cho việc canh tác	
4.	San lấp hồ lắng và hệ thống mương thu gom nước mưa	m ³	1.243	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
5.	Tháo dỡ cống qua đường	cái	02		Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
6.	Tháo dỡ nhà điều hành, kho CTNH	cái	02		Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
					từ thời điểm kết thúc khai thác
7.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	3,56	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
II	Ngoài khu vực khai thác				
8.	Cải tạo tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đến đường dân sinh và đường đất dân sinh	m ³	1.602	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động đi lại	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **769.672.000 đồng** (Bảy trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 14 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 153.934.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 47.364.000 đồng/lần, thời điểm ký quỹ: thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai, 387 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025.

Trường hợp chủ dự án không nộp hoặc nộp chậm tiền ký quỹ theo thời hạn nêu trên thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Thường xuyên nạo vét hồ lắng và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sa bồi, sạt lở, ảnh hưởng đến suối và khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại mương thoát nước sau hồ lắng phía Đông Bắc và phía Tây Nam mỏ.

- Thông số giám sát: pH, TSS, dầu mỡ khoáng, Coliforms.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (vào mùa mưa).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.3. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.4. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.
- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không./.